

VACO



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4 - 168 Đường Láng, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787

www.vaco.com.vn / vacohn@vaco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Sang

Ông Phan Trung Phương

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Ông Phạm Công Sinh

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Ông Nguyễn Văn Sang

Ông Phan Trung Phương

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 16/10/2012

Miễn nhiệm ngày 16/10/2012

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2013



Số: 006 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần đầu tư FIT**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo lập ngày 31/01/2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 03 đến trang 23. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV

Trịnh Thị Hồng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0026/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		1.689.682.570.770	1.299.757.265.247
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	870.992.951	2.882.313.975
1. Tiền	111		870.992.951	2.882.313.975
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	1.588.801.123.526	1.180.808.825.160
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.588.801.123.526	1.186.334.015.472
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(5.525.190.312)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.377.418.233	113.920.531.886
1. Phải thu khách hàng	131		40.730.727.411	934.552.016
2. Trả trước cho người bán	132		19.808.084.420	13.621.298.958
3. Các khoản phải thu khác	135	6	34.892.506.402	99.418.580.912
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(53.900.000)	(53.900.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.633.036.060	2.145.594.226
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.453.290.290	1.844.027.663
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.079.717.770	232.918.063
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		100.028.000	68.648.500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+240+250+ 260)	200		176.237.543.107	94.509.415.892
I. Tài sản cố định	220		13.618.168.797	16.297.847.672
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	13.618.168.797	14.273.634.742
- Nguyên giá	222		16.106.704.323	15.995.091.383
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.488.535.526)	(1.721.456.641)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	-	2.024.212.930
II. Bất động sản đầu tư	240	9	14.858.406.911	-
- Nguyên giá	241		15.065.807.967	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(207.401.056)	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		146.152.656.667	78.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10	27.235.000.000	10.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	118.917.656.667	68.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.608.310.732	211.568.220
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.606.310.732	211.568.220
2. Tài sản dài hạn khác	268		2.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.865.920.113.877	1.394.266.681.139

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.706.066.401.323	1.283.123.619.554
I. Nợ ngắn hạn	310		1.634.389.713.837	1.210.735.807.064
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	1.541.853.115.789	1.108.167.220.965
2. Phải trả người bán	312		17.328.997.548	2.040.942.223
3. Người mua trả tiền trước	313		610.631.517	5.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	1.400.709.250	35.679.972
5. Phải trả người lao động	315		298.615.449	231.432.095
6. Chi phí phải trả	316	15	67.406.195.336	100.201.351.853
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	5.491.448.948	54.179.956
II. Nợ dài hạn	330		71.676.687.486	72.387.812.490
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	71.676.687.486	72.387.812.490
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		159.853.712.554	111.143.061.585
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	159.853.712.554	111.143.061.585
1. Vốn điều lệ	411		150.000.000.000	110.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.853.712.554	1.143.061.585
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.865.920.113.877	1.394.266.681.139

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	31/12/2012	01/01/2012
1. Phải trả do Nhận ủy thác đầu tư	VND	-	350.000.000.000
2. Phải thu các Ngân hàng (tiền gửi có kỳ hạn)	VND	-	350.000.000.000



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Trần Thị Mai Hương
Kế toán trưởng

Telecom

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	18.143.630.740	4.764.360.419
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		18.143.630.740	4.764.360.419
3. Giá vốn hàng bán	11	20	8.965.968.661	2.014.514.787
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		9.177.662.079	2.749.845.632
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	286.853.546.648	136.661.578.955
6. Chi phí tài chính	22	22	277.536.052.147	133.065.498.295
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		245.404.192.561	113.938.120.924
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.802.663.693	5.670.687.637
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.692.492.887	675.238.655
9. Thu nhập khác	31		1.301	72.732.920
10. Chi phí khác	32		1.689.284	23.547.818
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		(1.687.983)	49.185.102
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.690.804.904	724.423.757
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	1.980.153.935	-
14. Lợi nhuận sau thuế	60		8.710.650.969	724.423.757
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	595	74



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Trần Thị Mai Hương
Kế toán trưởng

Return

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	10.690.804.904	724.423.757
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	974.479.941	602.976.098
Các khoản dự phòng	3	(5.525.190.312)	4.587.921.130
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(100.623.089.007)	(122.465.745.168)
Chi phí lãi vay	6	245.404.192.561	113.938.120.924
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	150.921.198.087	(2.612.303.259)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	15.662.934.446	(112.878.445.390)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(771.275.844.014)	88.442.787.363
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.004.005.139)	(1.173.598.229)
Tiền lãi vay đã trả	13	(216.616.764.386)	(16.700.084.039)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(585.452.150)	(58.503.755)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	129.289.710.729	4.234.037.836.249
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(111.957.410.286)	(3.917.928.069.908)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(805.565.632.713)	271.129.619.032
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.364.230.088)	(9.042.712.078)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(498.305.503.042)	(1.443.282.573.414)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	823.137.123.514	241.132.771.040
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(12.071.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	75.117.151.518	28.320.285.089
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	393.584.541.902	(1.192.943.229.363)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	40.000.000.000	75.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.439.090.288.556	1.049.491.308.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.069.120.518.769)	(201.693.957.043)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	409.969.769.787	922.797.350.957
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.011.321.024)	983.740.626
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.882.313.975	1.898.573.349
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	870.992.951	2.882.313.975

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 17.034.960.000 đồng, là số tiền dùng để mua thêm tài sản phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Trần Thị Mai Hương
Kế toán trưởng

